

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẬP DẦU KHÍ NGHỆ AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Ủy viên
Ông Đông Xuân Bình	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 2 năm 2015)
Ông Phan Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 2 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Tổng Giám đốc
Ông Đông Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phi Hùng	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 42.03/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

hường (nếu có) của việc sử dụng số liệu trên Báo cáo tài chính của các công ty này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn với số tiền là 68.607.326.236 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 250.197.223.796 đồng. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		459.170.287.479	1.067.022.640.041
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.635.828.900	5.444.680.140
1. Tiền	111		4.635.828.900	2.944.680.140
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	182.642.647.428
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	182.642.647.428
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		361.022.490.572	619.678.598.957
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	53.711.906.229	102.886.253.230
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	40.091.726.127	55.531.809.448
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		10.618.384.771	28.811.189.205
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	37.800.630.964	61.401.903.665
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	233.731.129.537	376.723.670.288
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.931.287.056)	(5.676.226.879)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	90.720.360.620	247.477.491.389
1. Hàng tồn kho	141		90.720.360.620	247.477.491.389
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.791.607.387	11.779.222.127
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.160.769.710	11.145.060.496
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		630.837.677	634.161.631
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		245.262.384.104	151.048.901.470
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		165.662.044.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	165.662.044.000	-
II. Tài sản cố định	220		40.263.529.245	81.899.006.129
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	39.908.712.777	81.265.580.417
- Nguyên giá	222		76.053.292.701	167.303.142.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.144.579.924)	(86.037.561.622)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	354.816.468	633.425.712
- Nguyên giá	228		1.509.038.220	1.509.038.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.154.221.752)	(875.612.508)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	14.384.852.429
- Nguyên giá	231		-	15.339.660.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(954.808.155)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.671.233.910	5.113.879.120
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.671.233.910	5.113.879.120
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.774.895.701	6.524.875.901
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	11.774.895.701	6.524.875.901
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25.890.681.248	43.126.287.891
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		16.087.577.738	21.825.607.823
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	5.160.248.823
3. Lợi thuế thương mại	269	V.12	9.803.103.510	16.140.431.245
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		704.432.671.583	1.218.071.541.511

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		704.863.919.930	1.183.501.013.726
I. Nợ ngắn hạn	310		527.777.613.715	939.387.436.625
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	145.366.069.143	219.428.744.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	127.153.231.537	228.398.655.168
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	17.957.340.629	24.694.995.287
4. Phải trả người lao động	314		9.214.086.606	12.815.179.034
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	30.332.823.964	56.656.254.767
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		10.801.668.182	10.801.668.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	81.354.327.844	257.871.725.976
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	85.223.066.009	107.794.697.589
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.374.999.801	20.925.516.279
II. Nợ dài hạn	330		177.086.306.215	244.113.577.101
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.899.999.973	2.899.999.973
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	174.186.306.242	189.671.418.342
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	-	51.314.699.937
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	227.458.849
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(431.248.347)	34.570.527.785
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	(431.248.347)	34.570.527.785
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		218.460.000.000	218.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		218.460.000.000	218.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		380.952.382	380.952.382
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.453.682.587	25.348.179.022
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(250.197.223.796)	(224.105.429.803)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(222.210.933.368)	(197.173.978.832)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(27.986.290.428)	(26.931.450.971)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.471.340.480	9.486.826.184
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		704.432.671.583	1.218.071.541.511



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	110.357.633.042	379.630.978.390
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	319.956.301	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		110.037.676.741	379.630.978.390
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	96.687.314.502	380.775.022.366
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.350.362.239	(1.144.043.976)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	(1.596.262.393)	4.930.837.752
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.986.153.238	21.295.981.633
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.986.153.238	20.890.798.750
8. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		1.200.683.923	1.940.818.359
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	32.897.507.563	28.777.949.110
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(40.330.244.878)	(48.227.955.326)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	13.791.754.123	28.591.511.347
13. Chi phí khác	32	VI.7	59.835.177	2.421.388.412
14. Lợi nhuận khác	40		13.731.918.946	26.170.122.935
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(26.598.325.932)	(22.057.832.391)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.455.677.013	5.665.153.062
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(28.054.002.945)	(27.722.985.453)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(27.986.290.428)	(26.931.450.971)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(67.712.517)	(791.534.482)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(1.281)	(1.233)



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(26.598.325.932)	(22.057.832.391)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.241.362.203	25.486.546.954
Các khoản dự phòng	03	9.255.060.177	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.048.940.105)	(30.539.083.338)
Chi phí lãi vay	06	17.986.153.238	20.890.798.750
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.164.690.419)	(6.219.570.025)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	85.567.653.335	(28.186.976.046)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	156.760.454.723	331.677.909.036
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(382.354.324.745)	(262.735.523.377)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	14.722.320.871	11.783.767.540
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	182.642.647.428	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.798.067.135)	(3.551.783.079)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.584.523.637)	(2.289.888.473)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.003.680.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(2.185.233.141)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.791.470.421	41.296.382.435
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	-	(10.769.252.744)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	14.721.181.816	41.380.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.972.823.499)	(7.859.556.450)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.144.239.756	4.062.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(10.500.019.800)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	36.890.464.245	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.967.338	233.304.569
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	59.286.009.856	27.046.995.375
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	46.853.686.000	20.663.081.666
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(120.740.017.517)	(89.049.910.259)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(73.886.331.517)	(68.386.828.593)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(808.851.240)	(43.450.783)
Tiền đầu năm	60	5.444.680.140	5.488.130.923
Tiền cuối năm	70	4.635.828.900	5.444.680.140



Nguyễn Ngọc Bảng
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký cổ phần hoá ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 4 tháng 5 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2009, Công ty đã thông nhất phương án tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn này.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An.

Theo nghị quyết số 41/NQ-PVNC ngày 29 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tổng công ty xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 600 tỷ. Trong năm 2011 công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 100 tỷ lên 218,46 tỷ đồng.

Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 02 năm 2012 với số vốn điều lệ là 218.460.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện năng (đường dây, trạm hạ thế dưới 110 KV), công trình nhà ở, công sở, thương mại, công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn theo dõi, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Mua bán các thiết bị ngành điện, nước, sơn các loại, xe máy, đồ gỗ dân dụng, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Khai thác chế biến mua bán khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng các loại...);
- Kinh doanh phân bón nông nghiệp, các sản phẩm từ nông sản, dịch vụ cây giống;
- Kinh doanh các loại sản phẩm từ gỗ, khai thác và sơ chế gỗ, đồ mỹ nghệ;
- Đầu tư kinh doanh kho công nghiệp, khu đô thị, thủy điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy điện, điện năng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội thất, tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.